

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 849 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 31 tháng 8 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai  
giai đoạn 2026 - 2030**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Tỉnh ủy Lào Cai về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về ban hành 17 đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 155-NQ/ĐU ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện một số nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 9/TTr-SGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2026.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030.

*(Có Đề án chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Đề án được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định; dự toán kinh phí trình Sở Tài chính thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, đánh giá việc tổ chức thực hiện đề án, định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Các sở: Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ sở giáo dục về nguồn kinh phí, công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho giáo dục và thực hiện các nội dung khác có liên quan theo Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn;

b) Sử dụng lồng ghép các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị một cách đồng bộ; rà soát, xây dựng, đề xuất đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);;
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, VX<sub>(Hướng)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Anh**

## ĐỀ ÁN

### Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 849QĐ-UBND ngày 31 / 5 /2026 của UBND tỉnh)

#### Phần thứ nhất

### SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

##### 1. Một số kết quả nổi bật

Mạng lưới cơ sở giáo dục tiếp tục được rà soát, sắp xếp cơ bản phù hợp với quy hoạch, theo hướng tinh gọn đầu mối, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Hiện toàn tỉnh có 1.046 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp (trong đó có 1.015 cơ sở công lập và 31 cơ sở ngoài công lập), với 1.372 điểm trường lẻ (mầm non 899 điểm trường, tiểu học 473 điểm trường), quy mô 15.991 nhóm, lớp, 486.761 trẻ/học sinh/học viên/sinh viên, chia ra:

- Mầm non: Toàn tỉnh có 370 trường mầm non (343 trường công lập, 27 trường ngoài công lập), với 4.258 nhóm, lớp, 105.223 học sinh.

- Tiểu học: Toàn tỉnh có 219 trường tiểu học với 5.977 lớp, 165.358 học sinh.

- Trung học cơ sở: Toàn tỉnh có 364 trường có cấp THCS (trong đó: 183 trường TH&THCS, 181 trường THCS), với 3.616 lớp, 134.262 học sinh.

- Trung học phổ thông: Toàn tỉnh có 68 trường THPT, trong đó: 66 trường công lập; 02 trường ngoài công lập (TH, THCS&THPT Quốc tế Canada Lào Cai và TH, THCS&THPT Pastuer); 14 trường THCS&THPT, với tổng số 1.260 lớp, 53.630 học sinh.

- Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: Toàn tỉnh hiện có 21 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên. Trong đó, 03 trường trung cấp nghề (trong đó, có 01 trường ngoài công lập: trường trung cấp Bách Khoa), 18 đơn vị Giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp (trong đó, 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên Yên Bái; 01 trung tâm KTTH HNDN và GDTX Lào Cai, 16 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên), với tổng số 278 lớp GDTX cấp THPT, 12.437 học viên.

- Giáo dục Đại học, Giáo dục chuyên nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 03 cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, đại học, gồm 01 phân hiệu trường Đại học Thái Nguyên với 77 lớp, 2.980 sinh viên và 02 trường Cao đẳng (Cao đẳng nghề Yên Bái và Cao đẳng Lào Cai), với 407 lớp, 9.492 sinh viên hệ cao đẳng, trung cấp.

Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên: 100% trẻ được học 2 buổi/ngày

và ăn, ngủ tại trường, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi giảm trung bình 0,2-0,3%/năm; trẻ em được đánh giá toàn diện theo 5 lĩnh vực phát triển thể chất, thẩm mỹ, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội theo độ tuổi đạt 95% trở lên; 100% trẻ em vùng dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt; trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đảm bảo với mục tiêu giáo dục và liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông.

Hoàn thành triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở tất cả các khối lớp và thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Chất lượng giáo dục tiểu học, tỷ lệ học sinh hoàn thành các môn học, các hoạt động giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực; phẩm chất, năng lực học sinh được rèn luyện và nâng lên rõ rệt. Chất lượng giáo dục cấp THCS: tỷ lệ học sinh xếp loại học tập khá tốt đạt 46,7%, học sinh xếp loại rèn luyện khá tốt đạt 97,1%; 886 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh. Chất lượng giáo dục cấp THPT: tỷ lệ học sinh xếp loại học tập khá tốt đạt 87,7%, học sinh xếp loại rèn luyện khá tốt đạt 87,5%; giai đoạn 2020 -2025 có 457 học sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia, so với giai đoạn 2015 -2020, số giải học sinh giỏi quốc gia tăng 138 giải; đặc biệt có 01 học sinh đạt Huy Chương đồng tại cuộc thi Olympic Tin học Châu Á Thái Bình Dương, 02 dự án tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế; tỷ lệ tốt nghiệp THPT hằng năm đạt trên 99%.

Xây dựng các mô hình trường học gắn với đặc thù của địa phương đạt được hiệu quả tích cực trong môi trường học đường như: mô hình “trường học hạnh phúc”, mô hình “Trường xanh”, mô hình “trường học chuyển đổi số”...; Hoạt động tổ chức sinh hoạt các chuyên đề chuyên môn được tổ chức bài bản, nền nếp ở hầu hết các cụm trường tại các địa phương; công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy gắn với các hoạt động thực tiễn được các nhà trường quan tâm, đạt được nhiều kết quả quan trọng;

Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT vượt chỉ tiêu, vượt tiến độ theo kế hoạch giao; Số học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS 29.325 học sinh; vào học lớp 10 THPT là 18.747 học sinh, tỷ lệ 63,93%; vào học GDTX và GDNN là 7.896 học sinh, tỷ lệ 26,93%, trong đó vào học GDNN là 5.530 học sinh, tỷ lệ 18,85%.

Giáo dục nghề nghiệp từng bước đáp ứng nhu cầu xã hội, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 25,3%. Các trường cao đẳng và trung cấp trong tỉnh được đầu tư nâng cấp thành trường chất lượng cao với nhiều nghề trọng điểm quốc tế, ASEAN và quốc gia.

Các trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia nâng cao chất lượng mọi mặt, duy trì, giữ vững các chỉ số, các tiêu chí đảm bảo các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng các trường đã đạt chuẩn quốc gia, nâng mức độ đạt chuẩn quốc gia đối với các trường học thuộc các địa phương trong lộ trình xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Toàn tỉnh có 765 trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm 75,1% số trường, trong đó, số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 147 trường, chiếm 14,4 % tổng số trường.

Giáo dục vùng đồng bào dân tộc và miền núi được tập trung chỉ đạo toàn diện.

Các mô hình giáo dục đặc thù như “Trường bán trú dân nuôi - Lương thực cho em”, “Học sinh bán trú tự quản”, “trường học gắn với thực tiễn” được triển khai, nhân rộng, tạo sự đồng thuận cao. Toàn tỉnh hiện có 17 trường PTDT nội trú với 207 lớp, 7.175 học sinh; 175 trường PTDT bán trú và 147 trường có học sinh bán trú với 64.949 học sinh hưởng chính sách hỗ trợ. Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại trường phổ thông dân tộc nội trú còn thấp, mới đạt 6%.

Công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được duy trì vững chắc từng bước nâng cao chất lượng, là địa phương đầu tiên trên cả nước thí điểm triển khai và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh; 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xoá mù chữ mức độ 2.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tăng cường về số lượng, tư duy theo hướng chủ động, tích cực, sáng tạo, tâm huyết và trách nhiệm; năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt, căn bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được chú trọng; 95,07% giáo viên mầm non/phổ thông đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn theo quy định của Luật giáo dục năm 2019 (trên chuẩn 24,49%); Đội ngũ nhà giáo được chú trọng đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; số giáo viên có đủ năng lực làm nhiệm vụ cốt cán chuyên môn cấp tỉnh, bồi dưỡng học sinh giỏi, thẩm định tài liệu/sách giáo khoa,... tiếp tục tăng. Tỷ lệ đảng viên đạt 69,29%. Tỷ lệ giáo viên chưa đủ theo biên chế giao, chưa đủ định mức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo song cơ bản đáp ứng để triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học.

Cơ sở vật chất được tăng cường đầu tư theo hướng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 86% (trong đó: Số phòng học còn sử dụng tốt 69,3%; số phòng học hư hỏng, xuống cấp 16,7%), góp phần cải thiện điều kiện dạy và học. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn, vẫn còn một số trường thiếu phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ (nhà đa năng, thư viện, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình GDPT 2018); chênh lệch giữa các vùng còn lớn, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nguồn vốn đầu tư chưa đồng đều, một số công trình xuống cấp, gây ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả sử dụng.

## **2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn**

Chất lượng giáo dục toàn diện tuy có chuyển biến nhưng chưa đồng đều giữa các vùng, đặc biệt ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chất lượng phổ cập, xoá mù chữ ở một số nơi chưa thực sự vững chắc.

Chất lượng Giáo dục nghề nghiệp đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; thiếu lao động có tay nghề cao, kỹ năng mềm, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng khởi nghiệp còn hạn chế. Đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ sử dụng chưa phổ biến.

Cơ sở vật chất của nhiều trường học còn thiếu, xuống cấp, thiết bị dạy học còn thiếu so với quy định. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 86%, tuy nhiên số phòng

học còn sử dụng tốt 69,3%; số phòng học hư hỏng, xuống cấp 16,7%.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý còn thiếu so với số lượng được cấp có thẩm quyền giao và định mức theo quy định của Bộ GDĐT; còn mất cân đối về cơ cấu môn học (đặc biệt là Ngoại ngữ, Tin học); một bộ phận chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn, tỷ lệ sau đại học còn thấp; số giáo viên trong nguồn quy hoạch cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên chưa nhiều; năng lực ngoại ngữ, năng lực số còn hạn chế; số giáo viên, cán bộ quản lý có khả năng tham gia vào môi trường hội nhập quốc tế chưa nhiều.

Xã hội hóa giáo dục và huy động nguồn lực ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; công tác hợp tác quốc tế trong giáo dục chưa mạnh, hiệu quả chưa cao.

### **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

Đặc thù địa hình, dân cư phân tán, số lượng điểm trường nhiều, quy mô nhỏ, gây khó khăn cho việc bố trí giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất.

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục tuy được quan tâm nhưng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa; chênh lệch lớn giữa vùng thuận lợi và khó khăn.

Đội ngũ giáo viên thiếu hụt so với quy mô trường lớp, nhất là giáo viên Ngoại ngữ, Tin học; một bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý chưa theo kịp yêu cầu đổi mới chương trình, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế.

Chương trình và phương pháp đào tạo nghề còn nặng lý thuyết, chậm cập nhật công nghệ mới; cơ chế gắn kết Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp còn thiếu chặt chẽ; doanh nghiệp chưa thực sự tham gia sâu vào quá trình đào tạo.

Công tác xã hội hóa và hợp tác quốc tế trong giáo dục chưa được triển khai đồng bộ, thiếu cơ chế chính sách khuyến khích mạnh mẽ.

Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn khó khăn, ảnh hưởng đến việc huy động trẻ ra lớp, duy trì chuyên cần và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **4. Sự cần thiết xây dựng đề án**

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai vẫn còn một số hạn chế như trên; nhằm cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo tiền đề xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, khẳng định vị thế giáo dục của tỉnh trong khu vực và cả nước; đặc biệt thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, việc xây dựng đề án phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 là hết sức cần thiết.

Đối với tỉnh Lào Cai, một tỉnh miền núi, biên giới, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, Đề án sẽ góp phần khắc phục những hạn chế về mạng lưới trường lớp, chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy

học; đồng thời định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Nghị quyết 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành TW Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”.

Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị.

Nghị quyết số 218/2025/QH15 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

Nghị định số 277/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29/12/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về ban hành 17 đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Xây dựng sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai phát triển toàn diện, hiện đại, hội nhập, gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, từng bước khẳng định vị thế giáo dục của tỉnh trong khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước.

##### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2028. 100 % xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xoá mù chữ mức độ 2.
- Có ít nhất 90% học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT và GDTX. Ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%.
- Có 10% số học sinh dân tộc thiểu số cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông được học trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông nội trú.
- Xây dựng các trường chuyên trở thành trung tâm thực nghiệm các phương thức giáo dục tiên tiến để bồi dưỡng đội ngũ giáo viên toàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đến năm 2030, toàn tỉnh có 30 trường trọng điểm chất lượng.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%.
- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 85%. Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Yên Bái, Trường Cao đẳng Lào Cai và Trường trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ đạt chuẩn quốc gia.
- 100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên theo quy định tại Luật Giáo dục 2019. Có từ 72% nhà giáo, nhân viên, người lao động là đảng viên.
- Tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%.

*(Có phụ lục kèm theo)*

#### **II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

##### **1. Hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục hợp lý**

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ,

chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Hình thành các trường học mở theo hướng "mở về chương trình học", tạo môi trường cho học sinh tự thiết kế chương trình, chủ động tham gia trong quá trình giáo dục.

Củng cố, sắp xếp và hoàn thiện cơ sở giáo dục theo hướng trường chuẩn quốc gia, đa dạng hóa loại hình, gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng và quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh; đáp ứng nhu cầu học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người, góp phần đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; đảm bảo phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở giáo dục phổ thông. Khuyến khích đầu tư, phát triển các mô hình cung ứng dịch vụ giáo dục chất lượng cao ở khu vực có điều kiện thuận lợi.

Rà soát, sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; trong đó tập trung giảm điểm trường lẻ ở cấp học mầm non, tiểu học, sáp nhập các trường có quy mô nhỏ; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên ngoài công lập. Thí điểm thành lập trường Trung học nghề trên cơ sở cơ cấu lại trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Điều chỉnh tách nhóm, lớp mầm non trong 10 trường phổ thông vào các trường mầm non cùng địa bàn sau sáp nhập cấp xã.

Đầu tư xây dựng 09 trường phổ thông nội trú vùng biên giới; tổ chức lại 06 trường PTDTNT THCS (gồm: PTDTNT THCS Lục Yên, PTDTNT THCS Mù Cang Chải, PTDTNT THCS Trạm Tấu, PTDTNT THCS Văn Chấn, PTDTNT THCS Yên Bình) thành trường PTDTNT THCS&THPT; tổ chức lại 06 trường có cấp THCS thành trường THCS&THPT (gồm: THCS&THPT Khao Mang; THCS&THPT Phong Dụ Hạ; THCS&THPT Yên Thịnh; THCS&THPT Vĩnh Lạc; THCS&THPT Y Tý; THCS&THPT Pha Long); thành lập mới 01 trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT Bảo Hà; thành lập mới 02 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập công lập.

## **2. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo**

### *a) Triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục*

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, phát triển khả năng tự tin, tự lập và khả năng giao tiếp; ở những nơi có điều kiện cho trẻ mẫu giáo được làm quen tin học, ngoại ngữ phù hợp với tâm lý, độ tuổi, từng bước tiếp cận với các phương pháp giáo dục tiên tiến phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại, xây dựng lớp học thông minh, triển khai giáo dục STEM/STEAM trong các cơ sở giáo dục.

Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông, triển khai dạy học 2 buổi/ngày; Chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới; thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội; tăng thời lượng các môn

khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật; nghiên cứu đưa kiến thức về năng lực số, trí tuệ nhân tạo vào chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục, chuyển mạnh sang phương pháp giáo dục hiện đại, tích cực, tăng cường tự học, trải nghiệm sáng tạo, hướng học sinh phát huy tư duy độc lập, năng lực giải quyết vấn đề; tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM, giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; triển khai dạy tiếng Trung tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã biên giới. Nâng chuẩn tiếng Anh cho giáo viên và học sinh các cấp học; bảo đảm đủ số lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và công nghệ, ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo trong dạy và học tiếng Anh; tăng cường giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh tại các nơi có điều kiện.

*b) Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới.*

Nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới; xây dựng Đề án Phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; trường phổ thông nội trú vùng biên giới; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc và tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù để đưa các trường nội trú thành trường kiểu mẫu của giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn cuộc sống đối với các trường mầm non, phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú.

*c) Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời*

Công tác phổ cập giáo dục: Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; 99/99 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, trong đó có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; Tập trung các nguồn lực để đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ; tăng cường các giải pháp để huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi ra lớp, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; duy trì tỉ lệ chuyên cần đảm bảo hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Phần đầu tỉnh Lào Cai đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2028.

Công tác xóa mù chữ: Duy trì và nâng cao chất lượng công tác xóa mù chữ, 99/99 xã, phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ, ưu tiên người dân tộc thiểu số và người dân vùng sâu, vùng xa; phân cấp trách nhiệm và giao chỉ tiêu cụ thể cho chính quyền cấp xã, phường, kết quả thực hiện sẽ là tiêu chí thi đua hằng năm. Tích hợp công tác xóa mù chữ vào các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng chương trình học lồng ghép kiến thức văn hóa với

kỹ năng sống, pháp luật và sản xuất; tổ chức các lớp học linh hoạt, khuyến khích các hình thức học tập tại cộng đồng, gia đình hoặc từ xa. Hằng năm tổ chức các lớp xóa mù chữ cho khoảng 2.300 người để nâng tỷ lệ người biết chữ độ tuổi 15 - 60 mức độ 1 đạt trên 99%, mức độ 2 đạt trên 95%.

Xây dựng xã hội học tập: Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và quản lý của Nhà nước đối với việc xây dựng xã hội học tập. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về học tập thường xuyên, học tập suốt đời với nội dung phong phú, thiết thực, phù hợp từng nhóm đối tượng. Đưa chỉ tiêu xây dựng xã hội học tập vào tiêu chí đánh giá thi đua hằng năm của các địa phương, đơn vị. Đồng thời, ban hành chính sách đặc thù nhằm khuyến khích, hỗ trợ người dân tham gia học tập, đặc biệt là nhóm đối tượng dân tộc thiểu số và người dân vùng sâu, vùng xa. Đa dạng hóa các chương trình học, không chỉ cung cấp kiến thức văn hóa mà còn lồng ghép các kỹ năng thực tiễn, pháp luật và kỹ thuật sản xuất; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập, dạy học và quản lý và sinh hoạt cộng đồng, giúp nâng cao chất lượng giáo dục và tạo điều kiện cho mọi người dân tiếp cận tri thức một cách thuận lợi. Triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” và mục tiêu xây dựng xã hội học tập, góp phần triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, bảo đảm thực chất, hiệu quả; xây dựng các mô hình cộng đồng học tập, đơn vị học tập và vận động các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân,... tham gia tổ chức các lớp học. Mỗi trung tâm GDNN-GDTX xây dựng ít nhất hai nghề mũi nhọn gắn với thế mạnh địa phương.

#### *d) Hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp*

Xây dựng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đáp ứng yêu cầu về kỹ năng, kiến thức và thái độ của người lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Triển khai mô hình "trung học nghề", giúp học sinh có thể vừa học văn hóa vừa học nghề, góp phần thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS. Tăng cường liên kết giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp từ việc xây dựng chương trình đào tạo, đến việc tổ chức các buổi tham quan, thực tập và đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp; đẩy mạnh mô hình đào tạo tại doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao.

Xây dựng Trường Trung học nghề Nghĩa Lộ đạt chuẩn quốc gia cùng với Trường Cao đẳng nghề Yên Bái, Trường Cao đẳng Lào Cai trở thành cơ sở trọng điểm trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Yên Bái, Trường Cao đẳng nghề Lào Cai và Trường Trung cấp nghề Nghĩa Lộ. Tiếp tục đổi mới chương trình và phương thức tổ chức đào tạo theo hướng mô-đun, tin chỉ linh hoạt, gắn với tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, ASEAN. Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng số, khởi nghiệp, chuyển đổi nghề cho người lao động. Tăng cường áp dụng mô hình đào tạo kép (học tại trường - thực hành tại doanh nghiệp). Ứng dụng công nghệ số, nền tảng trực tuyến, phòng thực hành ảo để đa dạng hóa hình thức dạy - học. Phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn, chứng chỉ kỹ năng nghề cho lao động chuyển đổi nghề, lao động tự do. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư tập trung cho một số nghề mũi nhọn, bảo đảm đồng bộ thiết bị theo công nghệ

hiện đại.

Tăng cường tổ chức đào tạo ngoại ngữ cho người lao động tham gia xuất khẩu lao động trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo từng ngành, nghề và thị trường lao động tiếp nhận; lồng ghép đào tạo ngoại ngữ với đào tạo kỹ năng nghề; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập ngoại ngữ; đẩy mạnh phối hợp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, đơn vị đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong tổ chức đào tạo ngoại ngữ gắn với nhu cầu thực tiễn.

*e) Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường*

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục theo hướng kiểm tra, giám sát hiệu quả; bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế; tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại, phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

Chú trọng hoạt động tham mưu của cơ sở giáo dục đối với cấp ủy, chính quyền địa phương và Sở GDĐT; tổ chức hiệu quả các hoạt động phối hợp của cơ sở giáo dục với tổ chức đoàn thể, gia đình người học, cộng đồng nhân dân; nâng cao năng lực truyền thông, lập kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, nắm bắt tình hình, kiểm tra/giám sát, giải quyết tình huống, giải trình, tạo động lực, ... của đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu về đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; phát triển năng lực huy động các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị trường học.

*f) Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục*

Xây dựng chiến lược dữ liệu phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển nền tảng giáo dục ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát; đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để đẩy nhanh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học.

Xây dựng các nền tảng giáo dục thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, các mô hình giáo dục số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Nâng cao chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học và đội ngũ nhà giáo ở tất cả các cấp học, đưa vào chương trình giáo dục gắn với thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm; khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, trí tuệ nhân tạo.

Nghiên cứu và xây dựng mô hình "trường học số", lớp học thông minh; xây dựng kho dữ liệu số ngành giáo dục và đào tạo; xây dựng mô hình "Vườn ươm

công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp"; xây dựng mô hình "Nghiên cứu và thực nghiệm phương thức giáo dục tiên tiến"; đầu tư hạ tầng số và thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên; triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM tại các cơ sở giáo dục tỉnh Lào Cai.

### **3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại hóa; đảm bảo đủ kinh phí cho giáo dục, đào tạo**

Tiếp tục ưu tiên các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục để duy trì phổ cập giáo dục, thực hiện đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3-5 tuổi; đảm bảo đủ nhà ở học sinh bán trú và nhà công vụ giáo viên; hoàn chỉnh hệ thống trường nội trú, bán trú; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; đảm bảo đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tăng cường sử dụng phương tiện, phương pháp dạy học hiện đại. Từng bước đầu tư xây dựng trường học hiện đại, chất trọng điểm chất lượng giáo dục, trường học thông minh.

Bảo đảm quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục phù hợp với phát triển mạng lưới trường, lớp học; đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và phổ thông; tập trung xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, trường phổ thông nội trú ở xã biên giới, trường trọng điểm chất lượng, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm GDNN-GTDX. Áp dụng mô hình giáo dục STEM/STEAM, thiết bị công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại cho phòng học bộ môn ở những cơ sở giáo dục đủ điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ; đầu tư xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng... còn thiếu theo hướng tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục, hội nhập khu vực và quốc tế.

Đảm bảo ngân sách chi cho hoạt động giáo dục. Tiếp tục các cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ, khuyến khích học sinh, giáo viên, đặc biệt học sinh ở vùng đồng bào dân tộc và miền núi; cơ chế thu hút giáo viên người nước ngoài đến giảng dạy trường THPT Chuyên và các trường trọng điểm về chất lượng giáo dục; cơ chế huy động nguồn lực xã hội phát triển giáo dục.

Phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục; Nhà nước bảo đảm chi ngân sách cho giáo dục với tỷ lệ ít nhất là 20%. Ưu tiên nguồn lực tài chính cho giáo dục bảo đảm đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt triển khai chương trình mầm non, phổ thông.

Ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục phổ cập, các nhiệm vụ trọng điểm; ưu tiên đầu tư cho những vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đổi mới cơ cấu sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước theo hướng tăng đầu tư để bảo đảm cơ sở vật chất và tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao.

Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách Nhà nước trong lập và

phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước công khai và minh bạch; phân định rõ quyền hạn, nhiệm vụ và tăng cường trách nhiệm giải trình của các cấp, các ngành và các đơn vị dự toán ngân sách trong quản lý chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục; giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí.

Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, trong đó tập trung hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa được hưởng các chính sách của Chính phủ; hỗ trợ cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh. Chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học 2 buổi/ngày ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Qua đó, thúc đẩy phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn đáp ứng yêu cầu giáo dục đào tạo trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

#### **4. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm về số lượng, phát triển về chất lượng, hợp lý về cơ cấu; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường sử dụng các phương pháp bồi dưỡng hiện đại, tích cực và đẩy mạnh tự nghiên cứu, trải nghiệm sáng tạo để, rèn luyện các kỹ năng mềm nhằm phát huy tối ưu tư duy độc lập, năng lực số, khả năng giải quyết vấn đề của đội ngũ nhà giáo; tăng cường bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giáo viên để đảm bảo dạy các môn học khác bằng tiếng Anh và tham gia làm việc trong môi trường hội nhập, hợp tác quốc tế; tăng cường bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giáo viên để đảm bảo dạy các môn học khác bằng tiếng Anh; tập trung phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các cơ sở giáo dục (đến năm 2030 phấn đấu tỷ lệ trên chuẩn của nhà giáo các cấp học: Mầm non trên 70%, Tiểu học trên 3,5%, Trung học cơ sở trên 3,0%, Trung học phổ thông trên 22,5%); lấy công tác tự bồi dưỡng làm nòng cốt, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo và năng lực chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng và thu hút giáo viên giỏi có năng lực hội nhập (đến năm 2030 phấn đấu thu hút trên 200 sinh viên tốt nghiệp giỏi, xuất sắc); liên kết đào tạo đội ngũ giáo viên các môn: Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng Anh, Tiếng Trung cho trên 1.000 giáo viên.

Thực hiện đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên với giáo viên trong nguồn quy hoạch cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Tăng cường bồi dưỡng ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào hoạt động chuyên môn, chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục cho cán bộ quản lý, giáo viên. Bồi dưỡng toàn diện, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, chú trọng tự bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo; xây dựng và thu hút giáo viên giỏi có năng lực hội nhập, giáo viên, người địa phương.

Tổ chức đúng quy định về đánh giá xếp loại nhà giáo theo Chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Tăng cường phân cấp, phân quyền cho cơ sở giáo dục đối với việc quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; định kỳ rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; thực hiện đảm bảo

việc kiện toàn các bộ phận công tác (phòng, ban, tổ) và số lượng cấp phó theo hướng khoa học, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ trách nhiệm của các bộ phận công tác, cá nhân, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, bộ phận công tác; trung thực, khách quan, công tâm trong việc đánh giá xếp loại chất lượng đội ngũ; gắn kết quả đánh giá xếp loại, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, thực hiện chế độ chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tinh giản biên chế.

Thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách (lương, phụ cấp, thu hút, hỗ trợ,...) cho đội ngũ nhà giáo; tham mưu ban hành các chính sách nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giáo viên, giảng viên, chính sách huy động được người giỏi ngoài ngành tham gia giảng dạy, chính sách khuyến khích người giỏi chủ trì hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, chính sách ưu đãi, thu hút sinh viên giỏi đến công tác tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, chính sách đặc thù đối với đội ngũ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn; xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiện đại và nhà công vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa yên tâm công tác.

### **5. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác và hội nhập quốc tế**

Thực hiện tốt công tác tư vấn; đối thoại, phản biện xã hội, giải trình, lắng nghe ý kiến của Nhân dân trong việc tham gia, góp ý, hiến kế để thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục, đào tạo; có giải pháp đột phá hiệu quả huy động nhiều nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho giáo dục, đào tạo, giảm chi ngân sách nhà nước (phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; chuyển các trường mầm non công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao; xây dựng trường trọng điểm chất lượng giáo dục, trường Quốc tế...). Tăng cường xã hội hóa trong dạy và học Tin học, Ngoại ngữ để học sinh tiệm cận được với các chuẩn Tin học và Ngoại ngữ quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động giáo dục. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hội nhập quốc tế. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục hay Trung tâm nghiên cứu ở nước ngoài. Chủ động, tích cực trong nghiên cứu, giao lưu, hợp tác; thúc đẩy hội nhập, tiếp thu phương pháp, công nghệ, mô hình giáo dục khoa học, tiên tiến phù hợp để ứng dụng vào quản lý, điều hành, ứng dụng khoa học và công nghệ trong dạy học, hoạt động giáo dục; đồng thời, đẩy mạnh liên kết đào tạo, thu hút, tiếp nhận giáo viên người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục. Thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác, liên kết đào tạo/bồi dưỡng theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Lào Cai; đẩy mạnh tham gia các hoạt động nghiên cứu, vận dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào công tác chuyên môn theo yêu cầu tương ứng của từng cấp học.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục, trong đó khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa

phương.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp**

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển.

Cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện sự nghiệp giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, khoa học và công nghệ; ban hành chủ trương, chính sách phù hợp, ưu tiên bố trí nguồn lực.

Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Phát huy vai trò của đoàn thể, hội khuyến học, ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Đổi mới công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận xã hội, khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

#### **2. Nâng cao vai trò tham mưu của ngành Giáo dục và Đào tạo**

Ngành Giáo dục và Đào tạo chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện.

Nâng cao vai trò nòng cốt của ngành trong điều phối, hướng dẫn, kiểm tra.

Thực hiện nghiêm kỷ cương, nền nếp, dân chủ hóa, công khai hóa trong các cơ sở giáo dục; đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các cơ sở giáo dục.

#### **3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, giảng viên**

Chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng số, ngoại ngữ, phương pháp dạy học hiện đại.

Gắn công tác đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch, bổ nhiệm với hiệu quả công tác. Có cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao, chuyên gia giỏi về công tác tại tỉnh; quan tâm đào tạo giáo viên là người dân tộc thiểu số.

Tăng cường hội nhập quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên; xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, giáo viên thực hành có tay nghề cao.

Tổ chức luân chuyển, điều động, phân bổ hợp lý để bảo đảm cân đối đội ngũ giữa các vùng, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy.

#### **4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; hoàn thiện chính sách**

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư cho giáo dục; mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo trong và ngoài nước.

Triển khai đồng bộ các chương trình, dự án hợp tác quốc tế. Tiếp tục thực hiện

chính sách địa phương đã ban hành, đồng thời đề xuất cơ chế mới phù hợp thực tiễn.

Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn kết chặt chẽ cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động; chú trọng phát triển tinh thần khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, gắn với công nghệ sản xuất thực tiễn. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tiếp nhận giáo viên, học sinh thực tập, cập nhật kỹ năng và công nghệ mới.

Nâng cao chất lượng dự báo nhu cầu nhân lực; xây dựng cơ sở dữ liệu cung cầu lao động để định hướng đào tạo.

### **5. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế**

Tăng cường hợp tác với các cơ quan khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế; mở rộng hợp tác giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

Khuyến khích các cơ sở giáo dục liên kết với trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế; cử cán bộ, giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; mời chuyên gia, tình nguyện viên quốc tế đến Lào Cai giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm.

Định kỳ tổ chức các hoạt động giao lưu, tham quan, học tập, hội thảo quốc tế để tiếp cận mô hình tiên tiến.

### **6. Đẩy mạnh đổi mới quản lý giáo dục, chuyển đổi số và nhân rộng mô hình giáo dục đặc thù**

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị nhà trường, dạy và học; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, kho học liệu số, nền tảng học trực tuyến.

Phát triển các mô hình trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tiên tiến, trường điển hình về dạy học ngoại ngữ; tổng kết, nhân rộng mô hình hiệu quả.

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đa ngành, phân tầng chất lượng, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nghiên cứu xây dựng mô hình giáo dục đặc thù phù hợp với điều kiện vùng cao, biên giới, dân tộc thiểu số.

## **IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án:** Thực hiện lồng ghép trong nguồn kinh phí thực hiện Đề án 15 Giảm nghèo đa chiều và bảo đảm an sinh xã hội tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29/12/2025 của Tỉnh ủy. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: Dự kiến 12.136 tỷ đồng.

### **2. Nguồn vốn (dự kiến):**

- Vốn ngân sách địa phương: 10.922 triệu đồng, trong đó:
- + Vốn đầu tư ngân sách địa phương: 6.675 tỷ đồng;
- + Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương: 4.247 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Trung ương: 1.214 tỷ đồng.

## V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Khẳng định sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, huy động được sức mạnh của toàn dân, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng cùng tham gia phát triển giáo dục - đào tạo.

Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao, chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống, kỹ năng sống và hội nhập quốc tế cho học sinh, sinh viên; mạng lưới trường lớp được quy hoạch hợp lý, các mô hình giáo dục tiên tiến, đặc thù phù hợp với điều kiện của tỉnh, nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nhân rộng.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và cán bộ khoa học được chuẩn hóa, nâng cao trình độ, có kỹ năng công nghệ thông tin, ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy hiện đại, đồng thời từng bước thu hút được chuyên gia, nhân lực chất lượng cao về công tác tại địa phương.

Hệ sinh thái chuyển đổi số trong giáo dục được hình thành, nền tảng quản lý, học tập trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, STEM/STEAM, góp phần hiện đại hóa phương thức dạy và học. Bên cạnh đó, đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt trong công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời thu hút thêm nguồn lực xã hội hóa và hợp tác quốc tế.

Tạo chuyển biến căn bản, toàn diện trong phát triển giáo dục - đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2025 - 2030, góp phần xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, khẳng định vị thế giáo dục của tỉnh trong khu vực và trên cả nước.

### Phần thứ ba

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND xã/phường tổ chức triển khai thực hiện Đề án này theo đúng quy định, đảm bảo hiệu quả; xây dựng dự toán kinh phí, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nội dung phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; hằng năm tổng hợp nhu cầu nguồn vốn trung ương, địa phương để triển khai thực hiện đề án, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định. Hằng năm, tham mưu ban hành Kế hoạch cụ thể để triển khai theo từng lĩnh vực.

- Tham mưu tổ chức kiểm tra, thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết việc triển khai đề án, định kỳ báo Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**2. Sở Tài chính:** Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án. Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chương trình, chính sách thuộc Đề án theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Đề án bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả.

**3. Sở Nội vụ:** Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu xây dựng định mức biên chế, các cơ chế chính sách thu hút đội ngũ cán bộ, giáo viên; trình UBND tỉnh giao số lượng viên chức sự nghiệp giáo dục theo vị trí việc làm từng xã, phường hàng năm; phối hợp trong việc kiểm tra, đánh giá thực hiện Đề án.

**4. Sở Xây dựng:** Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã/phường hướng dẫn lập quy hoạch; rà soát, điều chỉnh bổ sung việc thực hiện quy hoạch, nhằm đảm bảo quỹ đất cho các trường thực hiện mục tiêu phát triển quy mô trường, lớp; đồng thời dành quỹ đất dự phòng cho các cơ sở dự kiến phát triển theo quy hoạch trong các giai đoạn tiếp theo; phối hợp trong việc kiểm tra, đánh giá thực hiện Đề án.

**5. Sở Nông nghiệp và Môi trường:** Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng và UBND xã/phường trong kế hoạch sử dụng đất của các cơ sở giáo dục; chỉ đạo đảm bảo đủ quỹ đất xây dựng trường, lớp học và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục theo kế hoạch phát triển giáo dục; phối hợp trong việc kiểm tra, đánh giá thực hiện Đề án.

**6. Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh; các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:** Xây dựng kế hoạch và đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về mục đích, ý nghĩa công tác quy hoạch; tạo sự quan tâm, ủng hộ rộng rãi của xã hội đối với phát triển sự nghiệp giáo dục; đưa tin kịp thời và thường xuyên tiến độ thực hiện, các điển hình, phổ biến kinh nghiệm về triển khai thực hiện kế hoạch.

**7. Các sở, ban, ngành có liên quan:** Căn cứ chức năng, chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện đề án đạt hiệu quả.

#### **8. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân dân về định hướng phát triển giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án trên địa bàn;

- Tích cực huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị một cách đồng bộ; rà soát, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục; thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh:** Tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện quy hoạch.

Trên đây là Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, UBND xã/phường có trách nhiệm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải điều chỉnh, bổ sung, các sở, ban, ngành, UBND xã/phường chủ động đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Phụ lục 1**  
**MỨC TIÊU ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÃO CAI GIAI ĐOẠN 2026-2030**

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức tiêu NQDH	Mức tiêu Đề án	TH năm 2025	Mức tiêu năm	Mức tiêu năm	Mức tiêu năm	Mức tiêu năm	Mức tiêu năm
						2026	2027	2028	2029	2030
(A)	(B)	1	2	3	4	5	6	7	8	11
<b>I</b>	<b>Chi tiêu về giáo dục</b>									
	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ									
	<i>Số xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi</i>	xã, phường	99	99		17	55	90	99	99
1	<i>Số xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3</i>	xã, phường	99	99	99	99	99	99	99	99
	<i>Số xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2</i>	xã, phường	99	99	99	99	99	99	99	99
	<i>Số xã, phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2</i>	xã, phường	99	99	99	99	99	99	99	99
2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT và GDTX	%		90	75	76	79	87	90	90
	Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	%		85	68	70	75	79	82	85
3	Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông được học trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông nội trú	%		10	6	7	8	9	10	10
4	Số trường trọng điểm chất lượng	Trường		30	-	4	12	30		

TT	Nội dung	Đơn vị	Mục tiêu NQĐH	Mục tiêu Đề án	TH năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Mục tiêu năm 2027	Mục tiêu năm 2028	Mục tiêu năm 2029	Mục tiêu năm 2030
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	75	70	71	72	73	74	75
	trong đó tỷ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	36	36	25,3	27	29	32	34	36
6	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	85	85	75	77	79	81	83	85
7	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên theo quy định tại Luật Giáo dục 2019	%		100	95	96	97	98	99	100
	Tỷ lệ nhà giáo, nhân viên, người lao động là đảng viên.	%		72	69.5	70	70.5	71	71.5	72
8	Tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa	%	100	100	86	88	91	94	97	100